Chi tiết mã HS 8903.99.00

Mã HS	8903.99.00
Mô tả hàng hóa	Du thuyền hạng nhẹ và các loại tàu thuyền khác phục vụ nghỉ ngơi, giải trí hoặc thể thao; thuyền dùng mái chèo và canô / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 09:04:46
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/89039900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17855
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17855
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL2		BT2026!Q17855
Thuế tiêu thụ đặc biệt	30	30%	66/2025/QH15	2025-06-14	BT2026!CG17855
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17177
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17106
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17106
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17106
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17106
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17106
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17106
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17162
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17162

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17162
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17162
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17162
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17162
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17163
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17163
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17163
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17163
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17163
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17163
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17168
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17124
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17120
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17120
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17120
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17120
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17120
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17120
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17166
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17166
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17166
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17166
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17166
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17166
VCFTA	2022	2022	2	VC!D17228
VCFTA	2023	2023	1	VC!E17228

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17228
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17228
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17228
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17228
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17204
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17204
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17204
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17204
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17204
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17204
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17199
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17199
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17199
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17199
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17199
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17199
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D17229
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E17229
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F17229
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17229
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17229
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17229
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D17228
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E17228
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F17228
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17228

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17228
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17228
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17322
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17322
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17322
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17322
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17322
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17322
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17322
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17191
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17191
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17191
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17191
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17191
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17191
RCEP B	2022	2022	0	B!D17191
RCEP B	2023	2023	0	B!E17191
RCEP B	2024	2024	0	B!F17191
RCEP B	2025	2025	0	B!G17191
RCEP B	2026	2026	0	B!H17191
RCEP B	2027	2027	0	B!I17191
RCEP C	2022	2022	0	C!D17189
RCEP C	2023	2023	0	C!E17189
RCEP C	2024	2024	0	C!F17189
RCEP C	2025	2025	0	C!G17189
RCEP C	2026	2026	0	C!H17189

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17189
RCEP D	2022	2022	0	D!D17188
RCEP D	2023	2023	0	D!E17188
RCEP D	2024	2024	0	D!F17188
RCEP D	2025	2025	0	D!G17188
RCEP D	2026	2026	0	D!H17188
RCEP D	2027	2027	0	D!I17188
RCEP E	2022	2022	0	E!D17192
RCEP E	2023	2023	0	E!E17192
RCEP E	2024	2024	0	E!F17192
RCEP E	2025	2025	0	E!G17192
RCEP E	2026	2026	0	E!H17192
RCEP E	2027	2027	0	E!I17192
RCEP F	2022	2022	0	F!D17191
RCEP F	2023	2023	0	F!E17191
RCEP F	2024	2024	0	F!F17191
RCEP F	2025	2025	0	F!G17191
RCEP F	2026	2026	0	F!H17191
RCEP F	2027	2027	0	F!I17191
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F16125
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G16125
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H16125
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I16125

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL2: Du thuyền		174/2025/NĐ-CP - PL2	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-002	YELLOW	Chịu thuế tiêu thụ đặc biệt	Cột TTĐB ghi “30”.		66/2025/QH15	Xác định mức thuế TTĐB theo Biểu thuế TTĐB 2026 (Luật 66/2025/QH15).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8903.99.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8903.99.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17855), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.